TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 3 - 2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoàn

Ông Bùi Trung Thành

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá tham gia phiên toà: Không.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 23/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị L; sinh năm: 1980; CCCD số: 038180011249; nơi cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Anh Hà Văn P; sinh năm: 1971; CCCD số: 038071013732; nơi cư trú: Thôn T, xã K, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị L, anh P. Chị L đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị L trình bày: Chị và anh Hà Văn P kết hôn tự nguyện, đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ đầu năm 2000, nhưng mãi đến ngày 31/5/2004 mới đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2002 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2006

cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Quốc T, sinh ngày 16/10/2000 và cháu Hà Thị T1, sinh ngày 29/9/2004. Hiện các cháu đã thành niên, có khả năng lao động. Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Hà Văn P để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng anh P không có mặt nên không có lời khai của anh P và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Hà Văn P, nơi cư trú tại Thôn T, xã K, tỉnh Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh P không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh P theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh P đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh P đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Chị Bùi Thị L đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Hà Văn P lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh P vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị L, anh P.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Hà Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/5/2004 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Về phía anh P, biết chị L làm đơn xin ly hôn và Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh P lên làm việc để anh P được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh P đều không có mặt, thể hiện anh P không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị L, anh P đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào

tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh P.

[3] Về con chung: Chị L và anh P có 02 con chung. Hiện các cháu đã thành niên, có khả năng lao động. Chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Hà Văn P.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị L và anh Hà Văn P có 02 con chung là cháu Hà Quốc T, sinh ngày 16/10/2000 và cháu Hà Thị T1, sinh ngày 29/9/2004. Chị L không yêu cầu đối với các cháu nên Toà án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản: Chị L không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0004461 ngày 29/12/2025. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị L, anh P có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng;
- THADS cấp tỉnh;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thịnh